TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẠC LIÊU** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2023/HNGĐ-ST
Ngày 29 - 06 - 2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Quốc Trung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Dư Thị Út**

2. Bà **Khưu Liên Dung**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Nhung** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tố Như** – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 06 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 129/2023/TLST–HNGĐ ngày 03 tháng 04 năm 2023, về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 05 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị D**, sinh năm 1988. Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh **Lê Minh Đ**, sinh năm 1990. Địa chỉ: Số 200/7, khóm N, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn khởi kiện ngày 21/03/2023 và các lời khai tại Toà án, nguyên đơn chị Lê Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Minh Đ quen biết với nhau và tự nguyện kết hôn và được Uỷ ban nhân dân Phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 12/4/2012. Sau khi kết hôn, chị và anh Đ sống chung với cha mẹ ruột anh Đ tại khóm N, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, chung sống được khoảng hơn 01 năm thì chị và anh Đ đi Thành phố H và B làm công nhân cho đến nay. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hạnh phúc, cả hai đều lo làm ăn để phát triển kinh tế gia đình; đến khoảng cuối năm 2022 hai bên phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng cho đến nay do anh Đ thường xuyên ăn chơi, cờ bạc, nợ nần, không chịu lo làm ăn, từ đó tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể tiếp tục được và

không thể hàn gắn được, chị đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh Đ không thay đổi, nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị và anh Đ có 02 người con chung tên Lê Bảo H, sinh ngày 01/12/2014 và Lê Khải D, sinh ngày 12/4/2020. Hiện nay 02 con sống chung với chị, cháu Lê Bảo H, sinh ngày 01/12/2014 đang học lớp 3 tại Trường tiểu học Đ, ở ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau, cháu ở nhà ông bà ngoại để đi học, chị thường xuyên về thăm và trông nom con, còn cháu Lê Khải D, sinh ngày 12/4/2020 chưa đi học. Hiện nay chị làm công nhân, thu nhập hàng tháng bình quân khoảng 13.000.000 đồng. Chị yêu cầu được quyền nuôi dưỡng Lê Bảo H và Lê Khải D, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống, chị và anh Đ không có tài sản chung, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Trong quá trình chung sống, chị và anh Đ không có nợ chung, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Bị đơn anh Lê Minh Đ:* Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, nhưng đều vắng mặt và không rõ lý do, do đó không có lời khai tại Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:* Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng theo quy định; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D đối với anh Đ. Về con chung: Giao cháu Lê Bảo H và cháu Lê Khải D cho chị D được quyền nuôi dưỡng, chị D không yêu cầu anh Điền cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Chị D xác định không có, nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị D phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lê Thị D khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Lê Minh Đ, cư trú tại số 200/7, khóm N, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu và yêu cầu được quyền nuôi con, đây là tranh chấp ly hôn, nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên toà, chị D vắng mặt và có đơn xin vắng mặt, anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị D và anh Đ.

[2] **Về nội dung:**

[2.1] Về hôn nhân: Hôn nhân của chị D và anh Đ đã được Uỷ ban nhân dân Phường N, thành phố B cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 12/4/2012, nên hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Chị D xác định khoảng cuối năm 2022 hai bên phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng cho đến nay do anh Đ thường xuyên ăn chơi, cờ bạc, nợ nần, không chịu lo làm ăn, từ đó tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc và không thể hàn gắn được. Xét thấy, chị D cương quyết ly hôn với anh Đ, hiện nay chị D và anh Đ không còn sống chung với nhau là vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng; anh Đ đã được Toà án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không rõ lý do, điều đó cho thấy khả năng đoàn tụ của hai bên là không có. Như vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn hôn nhân giữa chị D và anh Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D đối với anh Đ.

[2.2] Về con chung: Chị D và anh Đ có 02 người con chung là Lê Bảo H, sinh ngày 01/12/2014 và Lê Khải D, sinh ngày 12/4/2020. Chị Dàn yêu cầu được quyền nuôi dưỡng hai con chung, thấy rằng: Chị D làm nghề công nhân, thu nhập bình quân mỗi tháng 10.000.000 đồng, đảm bảo điều kiện trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng hai con chung. Hiện nay chị D là người trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng hai con và theo xác nhận của Trường tiểu học Đông Thới 2 xác nhận hiện nay cháu Lê Bảo H đang học lớp 3 năm học 2022 – 2023 tại trường. Đồng thời, cháu Lê Bảo H có nguyện vọng được ở cùng với chị D. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, anh Đ vắng mặt không rõ lý do, hiện nay không có sinh sống tại địa phương. Do đó, để tạo điều kiện tốt nhất cho hai con chung của chị D và anh Đ được phát triển toàn diện về thể chất lẫn tinh thần, đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt của hai con chung chưa thành niên khi chị D và anh Đ ly hôn, cần giao hai con chung cho chị D được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng theo quy định tại các Điều 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu được quyền nuôi hai con của chị D là có căn cứ chấp nhận. Chị D không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi hai con, nên không đặt ra xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Chị D xác định không có và không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Chị D xác định không có và không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

[2.5] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D đối với anh Đ và giao con chung cho chị D được quyền nuôi dưỡng như phân tích nêu trên là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị D. Xử cho chị Lê Thị D được ly hôn với anh Lê Minh Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Bảo H, sinh ngày 01/12/2014 và cháu Lê Khải D, sinh ngày 12/4/2020 cho chị Lê Thị D được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Hiện nay cháu Lê Bảo H và cháu Lê Khải D đang sống chung với chị Lê Thị D nên được giữ nguyên. Anh Lê Minh Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom cháu Lê Bảo H và cháu Lê Khải D mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị D không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung: Chị Lê Thị D xác định không có và không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về nợ chung: Chị Lê Thị D xác định không có và không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

6. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị D phải chịu 300.000 đồng. Chị D đã nộp tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0008557 ngày 03/04/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu;
- Chi cục THADS thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Quốc Trung